

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

HỒ SƠ
TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/ANVIES/2022

SẢN PHẨM
NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN
NGUYÊN VỊ

Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES

Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236.181

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/ANVIES/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES

Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236.181.

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 350907000025, cấp ngày 17/7/2020, cấp tại Phòng Tài chính kế hoạch - Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN NGUYÊN VỊ.

2. Thành phần: Nấm hương (96%), dầu thực vật, muối..

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 30g.

- Sản phẩm được đóng trong bao bì PE, PET hay túi zipper (PE, nhôm, PET), bao bì khô, sạch, kín đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, không thôi nhiễm chất độc vào thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):
HỘ KINH DOANH THỊNH PHÁT ĐẠT

6. Địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Số 65, đường 609, ấp Trung Viêt, xã Phước Hiệp, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 02:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SÁY GIÒN NGUYÊN VỊ.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Định, ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Phan Kim Nhật Quỳnh

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NĂM ANVIES	NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN NGUYÊN VỊ	Số TCCS 02:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN NGUYÊN VỊ
Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, Thị xã An Nhơn		Có hiệu lực kể từ ngày ký

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
SẢN PHẨM NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN NGUYÊN VỊ**

1. Chỉ tiêu cảm quan: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 02:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN NGUYÊN VỊ

- Màu sắc: màu nâu nhạt đến nâu đặc trưng của sản phẩm.
- Mùi: mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm.
- Trạng thái: Năm hương sấy, nguyên vẹn, không bể nát, khô giòn, có trộn gia

vị.

2. Chỉ tiêu hóa lý: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 02:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN NGUYÊN VỊ

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Carbohydrates	%	40-60
2	Xơ dinh dưỡng	%	≥ 20
3	Chất béo	%	20 - 40
4	Protein	%	10-20
5	Đường tổng	%	≤ 20
6	Năng lượng	Kcal/100g	300 - 600
7	Acid béo bão hòa	%	10-20
8	Acid béo dạng trans	%	≤ 1
9	Acid béo không bão hòa	%	≤ 20
10	Độ ẩm	%	≤ 3
11	Tro tổng	%	≤ 5
12	Hàm lượng Natri (Na)	mg/kg	≥ 3000

3. Chỉ tiêu vi sinh: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 02:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SẦY GIÒN NGUYÊN VỊ

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Cfu/g	10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	Cfu/g	10
3	<i>E.coli</i>	Cfu/g	Không có
4	<i>Cl. perfringens</i>	Cfu/g	10
5	<i>B.cereus</i>	Cfu/g	10 ²
6	Tổng số bào tử nấm men-nấm mốc	Cfu/g	10 ²

4. Chỉ tiêu kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 0,2
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,3

5. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin tổng số	mg/kg	10
2	Aflatoxin B1	mg/kg	5

6. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

7. Bảng thành phần dinh dưỡng (Nutrition facts)

Cho 1 lần dùng/*serving size*

30 g

Năng lượng cho 1 lần dùng/*Amount per serving*

Calories		160
Chất béo/ <i>Total fat</i>	8g	10%
Béo bão hòa/ <i>Saturated Fat</i>	4g	20%

Béo chuyển hóa/ <i>Trans fat</i>	0g	-
Cholesterol/ <i>Cholesterol</i>	0g	-
Natri/ <i>Sodium</i>	115mg	5%
Đường tổng/ <i>Total Carbohydrate</i>	16g	6%
Chất xơ/ <i>Dietary Fiber</i>	8g	29%
Đường/ <i>Sugar</i>	6g	-
Chất đạm/ <i>Protein</i>	4g	-

Bình Định, ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Phan Kim Nhật Quỳnh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 350907000025

*Đăng ký lần đầu, ngày 05 tháng 6 năm 2020
Đăng ký lại lần 02, ngày 17 tháng 7 năm 2020*

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có): HTX SX NẤM ANVIES.

2. Địa chỉ trụ sở chính: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236181

Fax:

Email: quynh.phankimnhat@gmail.com

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên	0111
02	Trồng cây hàng năm khác	0119
03	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (chi tiết: trồng nấm)	0131
04	Nhân và chăm sóc cây lâu năm (chi tiết: Trồng chuối lâu năm)	0132
05	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Chi tiết: cung cấp vật tư)	0161
06	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
07	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
08	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
09	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10	Đại lý du lịch	7911

11	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
12	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

4. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ): 700.000.000 đồng

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): PHAN KIM NHẬT QUỲNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 215082066

Ngày cấp: 31/01/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện tại: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

6. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Người đại diện chi nhánh:

7. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Người đại diện văn phòng đại diện:

8. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Người đại diện địa điểm kinh doanh:

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Kim Tuyết



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của

HỘ KINH DOANH THỊNH PHÁT ĐẠT

Địa chỉ:

Trụ sở và sản xuất: Số 65, đường 609, tổ 2, ấp Trung Việt, xã Phước Hiệp,
huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

HACCP

(TCVN 5603:2008 - CAC/RCP 1-1969, Rev.4-2003)

Cho lĩnh vực:

Sơ chế, chế biến nông sản (khoai lang, khoai môn, mít, chuối,...)



IQC 0569.21



MÃ TRUY XUẤT: 030721TPD

Số chứng nhận:

IQC/HA/0569.21

Ngày cấp:

03/07/2021

Thời hạn:

02/07/2024

VICAS.028 FSMS



NGUYỄN KHẮC LÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH IQC

Ô 6 BT4, Khu đô thị mới Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội

Tel: 0243.9994712 | Fax: 0246.2886227 | E-mail: info@iqc.com.vn | www.iqc.com.vn

IQC CERTIFICATION BODY

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2021-00112057
Mã số kết quả : AR-21-VD-119047-01 / EUVNHC-00153603



HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES

Số 485 Trần Phú, Phường Bình Định, TX. An Nhơn
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Tên mẫu : Nấm hương sấy giòn nguyên vị
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi zip
Ngày nhận mẫu : 07/12/2021
Thời gian thử nghiệm : 08/12/2021 - 17/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 13/12/2021
Mã số PO của khách hàng : S9TZ211208033

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD16W VD (a) <i>E.coli</i>	/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	9.5x10 ⁴
6	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD129 VD (a) Carbohydrates	%	AOAC 986.25 mod.	53.4
8	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	26.5
9	VD165 VD (a) Béo	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	28.3
10	VD263 VD (a) Protein	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	13.8
11	VD304 VD (a) Đường tổng	%	TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981) (Ref. TCVN 4594:1988)	18.4
12	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	524
13	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	12.8
14	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	0.02
15	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	15.5
16	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	1.71
17	VD297 VD (a) Tro tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	2.82
18	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500	3820

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
19	VD030 VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
20	VD030 VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
21	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.19
22	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.05)
23	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
24	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
25	VD0JF VD Cyromazin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
26	VD0JC VD (a) Diflubenzuron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD0L0 VD (a) Metrafenone	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD0M3 VD (a) Deltamethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD0SB VD (a) Thlabendazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
30	VD0VJ VD (a) Prochloraz	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD10P VD (a) Permethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
32	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	(2)
33	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
34	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	(1)
35	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	Vị đặc trưng của sản phẩm.

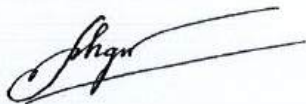
(1): Nấm hương sấy, nguyên vẹn, không bể nát, khô, giòn, có trộn gia vị.

(2): Màu nâu nhạt đến nâu đặc trưng của sản phẩm.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vĩ 08/02/2022

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2021-00112057

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-21-VD-119047-01 / EUVNHC-00153603

Nutrition Facts	
servings per container	
Serving size	30g
Amount Per Serving	
Calories	160
% Daily Value *	
Total Fat 8g	10%
Saturated Fat 4g	20%
Trans Fat 0g	
Cholesterol -	-
Sodium 115mg	5%
Total Carbohydrate 16g	6%
Dietary Fiber 8g	29%
Total Sugars 6g	
Includes - Added Sugars	-
Protein 4g	
Vitamin D -	-
Calcium -	-
Iron -	-
Potassium -	-
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.	

(*) Bảng Nutrition fact ở trên chỉ dành cho thị trường Việt Nam

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.



Shiitake Mushroom Crips

NẤM HƯƠNG

SẦY GIÒN

Nguyên tử



CALORIES
THẤP

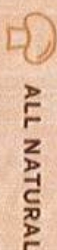


100%

từ Nấm Hương tươi Việt Nam



30 g (1.06 oz)



Shiitake Mushroom Crips

NẤM HƯƠNG

SẦY GIÒN

Nguyên tử



Thành phần dinh dưỡng/
Nutrition Facts

Cho 1 lọn dùng/ Serving size 30g
Nồng lượng cho 1 lọn dùng/ Amount per serving

Calories	140
Chất béo/ Total Fat	4g 8%
Béo bão hòa/ Saturated Fat	3g 14%
Béo chuyển hóa/ Trans Fat	0g -
Cholesterol/ Cholesterol	0g -
Natri/ Sodium	90mg 4%
Đường tổng/ Total Carbohydrate	17g 6%
Chất xơ/ Dietary Fiber	7g 24%
Đường/ Sugar	8g -
Chất đạm/ Protein	5g -

Thành phần dinh dưỡng/
Nutrition Facts
Cho 1 lọn dùng/ Serving size 30g
Nồng lượng cho 1 lọn dùng/ Amount per serving

Calories 140

Chất béo/ Total Fat 4g 8%

Béo bão hòa/ Saturated Fat 3g 14%

Béo chuyển hóa/ Trans Fat 0g -

Cholesterol/ Cholesterol 0g -

Natri/ Sodium 90mg 4%

Đường tổng/ Total Carbohydrate 17g 6%

Chất xơ/ Dietary Fiber 7g 24%

Đường/ Sugar 8g -

Chất đạm/ Protein 5g -

Thành phần dinh dưỡng/
Nutrition Facts
Cho 1 lọn dùng/ Serving size 30g
Nồng lượng cho 1 lọn dùng/ Amount per serving

Calories 140

Chất béo/ Total Fat 4g 8%

Béo bão hòa/ Saturated Fat 3g 14%

Béo chuyển hóa/ Trans Fat 0g -

Cholesterol/ Cholesterol 0g -

Natri/ Sodium 90mg 4%

Đường tổng/ Total Carbohydrate 17g 6%

Chất xơ/ Dietary Fiber 7g 24%

Đường/ Sugar 8g -

Chất đạm/ Protein 5g -

Sản phẩm của/ Product of
HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES
ANVIES MUSHROOM MANUFACTURING CO-OPERATIVE
485 Trườn Phú, P. Bình Định, TX An Nhơn, T. Bình Định

Xuất xứ Việt Nam
NSX: 8 938539 533015
HSD:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ
TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/ANVIES/2022

SẢN PHẨM
NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN
VỊ RONG BIỂN CAY

Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES

Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236.181

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/ANVIES/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES

Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236.181.

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 350907000025, cấp ngày 17/7/2020, cấp tại Phòng Tài chính kế hoạch - Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ RONG BIỂN CAY.

2. Thành phần: Nấm hương (96%), dầu thực vật, gia vị rong biển cay.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 30g.

- Sản phẩm được đóng trong bao bì PE, PET hay túi zipper (PE, nhôm, PET), bao bì khô, sạch, kín đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, không thôi nhiễm chất độc vào thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):
HỘ KINH DOANH THỊNH PHÁT ĐẠT

6. Địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Số 65, đường 609, ấp Trung Viết, xã Phước Hiệp, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 04:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ RONG BIỂN CAY.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Định, ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Phạm Kim Nhật Quỳnh

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NĂM ANVIES	NĂM HƯƠNG SÁY GIÒN VỊ RONG BIỂN CÂY	Số TCCS 04:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SÁY GIÒN VỊ RONG BIỂN CÂY
Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, Thị xã An Nhơn		Có hiệu lực kể từ ngày ký

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
SẢN PHẨM NĂM HƯƠNG SÁY GIÒN VỊ TỎI ỚT

1. Chỉ tiêu cảm quan: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 04:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SÁY GIÒN VỊ RONG BIỂN CÂY

- Màu sắc: màu nâu nhạt đến nâu đặc trưng của sản phẩm.
- Mùi: mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm.
- Trạng thái: Năm hương sấy, nguyên vẹn, không bể nát, khô giòn, có trộn gia vị.

2. Chỉ tiêu hóa lý: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 04:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SÁY GIÒN VỊ RONG BIỂN CÂY

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Carbohydrates	%	40-60
2	Xơ dinh dưỡng	%	≥ 20
3	Chất béo	%	20 - 40
4	Protein	%	10-20
5	Đường tổng	%	≤ 20
6	Năng lượng	Kcal/100g	300 - 600
7	Acid béo bão hòa	%	10-20
8	Acid béo dạng trans	%	≤ 1
9	Acid béo không bão hòa	%	≤ 20
10	Độ ẩm	%	≤ 3
11	Tro tổng	%	≤ 5
12	Hàm lượng Natri (Na)	mg/kg	≥ 5000

3. Chỉ tiêu vi sinh: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 04:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ RONG BIỂN CAY

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Cfu/g	10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	Cfu/g	10
3	<i>E.coli</i>	Cfu/g	Không có
4	<i>Cl. perfringens</i>	Cfu/g	10
5	<i>B.cereus</i>	Cfu/g	10 ²
6	Tổng số bào tử nấm men-nấm mốc	Cfu/g	10 ²

4. Chỉ tiêu kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 0,2
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,3

5. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin tổng số	mg/kg	10
2	Aflatoxin B1	mg/kg	5

6. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

7. Bảng thành phần dinh dưỡng (Nutrition facts)

Cho 1 lần dùng/*serving size*

30 g

Năng lượng cho 1 lần dùng/*Amount per serving*

Calories

150

Chất béo/ <i>Total fat</i>	8g	10%
Béo bão hòa/ <i>Saturated Fat</i>	3,5g	18%
Béo chuyển hóa/ <i>Trans fat</i>	0g	-
Cholesterol/ <i>Cholesterol</i>	0g	-
Natri/ <i>Sodium</i>	250mg	11%
Đường tổng/ <i>Total Carbohydrate</i>	16g	6%
Chất xơ/ <i>Dietary Fiber</i>	8g	29%
Đường/ <i>Sugar</i>	6g	-
Chất đạm/ <i>Protein</i>	4g	-

Bình Định, ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Phan Kim Nhật Quỳnh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 350907000025

Đăng ký lần đầu, ngày 05 tháng 6 năm 2020
Đăng ký lại lần 02, ngày 17 tháng 7 năm 2020

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có): HTX SX NẤM ANVIES.

2. Địa chỉ trụ sở chính: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236181

Fax:

Email: quynh.phankimnhat@gmail.com

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên	0111
02	Trồng cây hàng năm khác	0119
03	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (chi tiết: trồng nấm)	0131
04	Nhân và chăm sóc cây lâu năm (chi tiết: Trồng chuối lâu năm)	0132
05	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Chi tiết: cung cấp vật tư)	0161
06	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
07	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
08	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
09	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10	Đại lý du lịch	7911

11	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
12	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

4. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ): 700.000.000 đồng

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): PHAN KIM NHẬT QUỲNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 215082066

Ngày cấp: 31/01/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện tại: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

6. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Người đại diện chi nhánh:

7. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Người đại diện văn phòng đại diện:

8. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Người đại diện địa điểm kinh doanh:

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Kim Tuyết



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của

HỘ KINH DOANH THỊNH PHÁT ĐẠT

Địa chỉ:

Trụ sở và sản xuất: Số 65, đường 609, tổ 2, ấp Trung Việt, xã Phước Hiệp,
huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

HACCP

(TCVN 5603:2008 - CAC/RCP 1-1969, Rev.4-2003)

Cho lĩnh vực:

Sơ chế, chế biến nông sản (khoai lang, khoai môn, mít, chuối,...)



IQC 0569.21



MÃ TRUY XUẤT: 030721TPD

Số chứng nhận:

IQC/HA/0569.21

Ngày cấp:

03/07/2021

Thời hạn:

02/07/2024

VICAS.028.FSMS



NGUYỄN KHẮC LÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH IQC

Ô 6 BT4, Khu đô thị mới Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội.

Tel: 0243.9994712 | Fax: 0246.2886227 | E-mail: info@iqc.com.vn | www.iqc.com.vn

IQC CERTIFICATION BODY



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2021-00112059
Mã số kết quả : AR-21-VD-119049-01 / EUVNHC-00153603



HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES

Số 485 Trần Phú, Phường Bình Định, TX. An Nhơn
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Tên mẫu : Nấm hương sấy giòn vị rong biển cay
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi zip
Ngày nhận mẫu : 07/12/2021
Thời gian thử nghiệm : 08/12/2021 - 17/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 13/12/2021
Mã số PO của khách hàng : S9TZ211208033

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD16W VD (a) <i>E.coli</i>	/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	2.0x10 ³
6	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD129 VD (a) Carbohydrates	%	AOAC 986.25 mod.	53.6
8	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	25.4
9	VD165 VD (a) Béo	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	26.6
10	VD263 VD (a) Protein	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	14.1
11	VD304 VD (a) Đường tổng	%	TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981) (Ref. TCVN 4594:1988)	19.6
12	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	510
13	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	12.0
14	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	0.02
15	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	14.6
16	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	1.72
17	VD297 VD (a) Tro tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	4.02
18	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500	8180

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
19	VD030 VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
20	VD030 VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
21	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.19
22	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.05)
23	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
24	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
25	VD0JF VD Cyromazin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
26	VD0JC VD (a) Diflubenzuron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD0L0 VD (a) Metrafenone	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD0M3 VD (a) Deltamethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD0SB VD (a) Thiabendazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
30	VD0VJ VD (a) Prochloraz	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD10P VD (a) Permethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
32	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	(2)
33	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
34	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	(1)
35	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	Vị đặc trưng của sản phẩm.

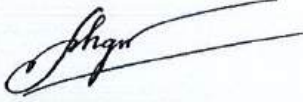
(1): Nấm hương sấy, nguyên vẹn, không bể nát, khô, giòn, có trộn gia vị.

(2): Màu nâu nhạt đến nâu đặc trưng của sản phẩm.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/02/2022

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

Mã số mẫu / Sample code NHH: 743-2021-00112059

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-21-VD-119049-01 / EUVNHC-00153603



Nutrition Facts	
servings per container	
Serving size	30g
Amount Per Serving	
Calories	150
% Daily Value *	
Total Fat 8g	10%
Saturated Fat 3.5g	18%
Trans Fat 0g	
Cholesterol -	-
Sodium 250mg	11%
Total Carbohydrate 16g	6%
Dietary Fiber 8g	29%
Total Sugars 6g	
Includes - Added Sugars	-
Protein 4g	
Vitamin D -	-
Calcium -	-
Iron -	-
Potassium -	-
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.	

(*) Bảng Nutrition fact ở trên chỉ dành cho thị trường Việt Nam

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành. / Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ
TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/ANVIES/2022

SẢN PHẨM
NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN
VỊ TỎI ỚT

Tên tổ chức, cá nhân: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES**

Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236.181

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03/ANVIES/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NĂM ANVIES

Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236.181.

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 350907000025, cấp ngày 17/7/2020, cấp tại Phòng Tài chính kế hoạch - Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN NGUYÊN VỊ.

2. Thành phần: Năm hương (96%), dầu thực vật, gia vị tỏi ớt.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 30g.

- Sản phẩm được đóng trong bao bì PE, PET hay túi zipper (PE, nhôm, PET), bao bì khô, sạch, kín đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, không thôi nhiễm chất độc vào thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):
HỘ KINH DOANH THỊNH PHÁT ĐẠT

6. Địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Số 65, đường 609, ấp Trung Viêt, xã Phước Hiệp, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 03:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ TỎI ỚT.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Định, ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Phan Kim Nhật Quỳnh

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES	NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ TỎI ỚT	Số TCCS 03:2022/ANVIES/NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ TỎI ỚT
Địa chỉ: 485 Trần Phú, phường Bình Định, Thị xã An Nhơn		Có hiệu lực kể từ ngày ký

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
SẢN PHẨM NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ TỎI ỚT

1. Chỉ tiêu cảm quan: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 03:2022/ANVIES/NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ TỎI ỚT

- Màu sắc: màu nâu nhạt đến nâu đặc trưng của sản phẩm.
- Mùi: mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm.
- Trạng thái: Nấm hương sấy, nguyên vẹn, không bẻ nát, khô giòn, có trộn gia vị.

2. Chỉ tiêu hóa lý: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 03:2022/ANVIES/NẤM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ TỎI ỚT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Carbohydrates	%	40-60
2	Xơ dinh dưỡng	%	≥ 20
3	Chất béo	%	20 - 40
4	Protein	%	10-20
5	Đường tổng	%	≤ 20
6	Năng lượng	Kcal/100g	300 - 600
7	Acid béo bão hòa	%	10-20
8	Acid béo dạng trans	%	≤ 1
9	Acid béo không bão hòa	%	≤ 20
10	Độ ẩm	%	≤ 3
11	Tro tổng	%	≤ 5
12	Hàm lượng Natri (Na)	mg/kg	≥ 5000

3. Chỉ tiêu vi sinh: Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất TCCS 03:2022/ANVIES/NĂM HƯƠNG SẤY GIÒN VỊ TỎI ỚT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Cfu/g	10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	Cfu/g	10
3	<i>E.coli</i>	Cfu/g	Không có
4	<i>Cl. perfringens</i>	Cfu/g	10
5	<i>B.cereus</i>	Cfu/g	10 ²
6	Tổng số bào tử nấm men-nấm mốc	Cfu/g	10 ²

4. Chỉ tiêu kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 0,2
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,3

5. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin tổng số	mg/kg	10
2	Aflatoxin B1	mg/kg	5

6. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

7. Bảng thành phần dinh dưỡng (Nutrition facts)

Cho 1 lần dùng/ <i>serving size</i>	30 g
Năng lượng cho 1 lần dùng/ <i>Amount per serving</i>	
Calories	140
Chất béo/ <i>Total fat</i>	6g 8%

Béo bão hòa/ <i>Saturated Fat</i>	3g	14%
Béo chuyển hóa/ <i>Trans fat</i>	0g	-
Cholesterol/ <i>Cholesterol</i>	0g	-
Natri/ <i>Sodium</i>	90mg	4%
Đường tổng/ <i>Total Carbohydrate</i>	17g	6%
Chất xơ/ <i>Dietary Fiber</i>	7g	24%
Đường/ <i>Sugar</i>	8g	-
Chất đạm/ <i>Protein</i>	5g	-

Bình Định, ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phan Kim Nhật Quỳnh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 350907000025

Đăng ký lần đầu, ngày 05 tháng 6 năm 2020

Đăng ký lại lần 02, ngày 17 tháng 7 năm 2020

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có): **HTX SX NẤM ANVIES.**

2. Địa chỉ trụ sở chính: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0909.236181

Fax:

Email: quynh.phankimnhat@gmail.com

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên	0111
02	Trồng cây hàng năm khác	0119
03	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (chi tiết: trồng nấm)	0131
04	Nhân và chăm sóc cây lâu năm (chi tiết: Trồng chuối lâu năm)	0132
05	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Chi tiết: cung cấp vật tư)	0161
06	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
07	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
08	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
09	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10	Đại lý du lịch	7911

11	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
12	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

4. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ): 700.000.000 đồng

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): PHAN KIM NHẬT QUỲNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 215082066

Ngày cấp: 31/01/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện tại: 485 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

6. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Người đại diện chi nhánh:

7. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Người đại diện văn phòng đại diện:

8. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Người đại diện địa điểm kinh doanh:

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Kim Tuyết



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của

HỘ KINH DOANH THỊNH PHÁT ĐẠT

Địa chỉ:

Trụ sở và sản xuất: Số 65, đường 609, tổ 2, ấp Trung Việt, xã Phước Hiệp,
huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

HACCP

(TCVN 5603:2008 - CAC/RCP 1-1969, Rev.4-2003)

Cho lĩnh vực:

Sơ chế, chế biến nông sản (khoai lang, khoai môn, mít, chuối,...)



IQC 0569.21



MÃ TRUY XUẤT: 030721TPD

Số chứng nhận:

IQC/HA/0569.21

Ngày cấp:

03/07/2021

Thời hạn:

02/07/2024

VICAS.028.FSMS



NGUYỄN KHẮC LÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH IQC

Ô 6 BT4, Khu đô thị mới Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội

Tel: 0243.9994712 | Fax: 0246.2886227 | E-mail: info@iqc.com.vn | www.iqc.com.vn

IQC CERTIFICATION BODY



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2021-00112058
Mã số kết quả : AR-21-VD-119048-01 / EUVNHC-00153603



HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES

Số 485 Trần Phú, Phường Bình Định, TX. An Nhơn
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Tên mẫu : Nấm hương sấy giòn vị tỏi ớt
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi zip
Ngày nhận mẫu : 07/12/2021
Thời gian thử nghiệm : 08/12/2021 - 17/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 13/12/2021
Mã số PO của khách hàng : S9TZ211208033

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD16W VD (a) <i>E.coli</i>	/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	1.6x10 ²
6	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD129 VD (a) Carbohydrates	%	AOAC 986.25 mod.	53.5
8	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	24.8
9	VD165 VD (a) Béo	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	28.4
10	VD263 VD (a) Protein	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	13.3
11	VD304 VD (a) Đường tổng	%	TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981) (Ref. TCVN 4594:1988)	18.7
12	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	523
13	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	12.8
14	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	0.02
15	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017)	15.6
16	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	1.74
17	VD297 VD (a) Tro tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	3.06
18	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500	5330

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
19	VD030 VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
20	VD030 VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
21	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.19
22	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.05)
23	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
24	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
25	VD0JF VD Cyromazin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
26	VD0JC VD (a) Diflubenzuron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD0L0 VD (a) Metrafenone	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD0M3 VD (a) Deltamethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD0SB VD (a) Thiabendazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
30	VD0VJ VD (a) Prochloraz	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD10P VD (a) Permethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
32	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	(2)
33	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
34	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	(1)
35	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	Vị đặc trưng của sản phẩm.

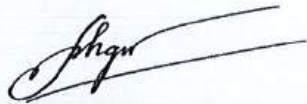
(1): Nấm hương sấy, nguyên vẹn, không bể nát, khô, giòn, có trộn gia vị.

(2): Màu nâu nhạt đến nâu đặc trưng của sản phẩm.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 08/02/2022

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2021-00112058

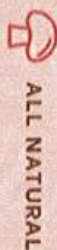
Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-21-VD-119048-01 / EUVNHC-00153603



Nutrition Facts	
servings per container	
Serving size	30g
Amount Per Serving	
Calories	160
% Daily Value *	
Total Fat 9g	12%
Saturated Fat 4g	20%
Trans Fat 0g	
Cholesterol -	-
Sodium 160mg	7%
Total Carbohydrate 16g	6%
Dietary Fiber 7g	25%
Total Sugars 6g	
Includes - Added Sugars	-
Protein 4g	
Vitamin D -	-
Calcium -	-
Iron -	-
Potassium -	-
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.	

(*) Bảng Nutrition fact ở trên chỉ dành cho thị trường Việt Nam

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.



Shiitake Mushroom Crips

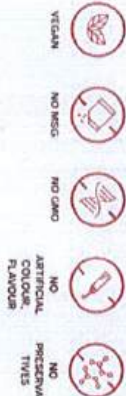
NẤM HƯƠNG SẦY GIÒN

Vị tài át

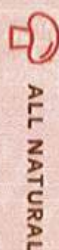
CALORIES
LOW
THẤP



100%
từ Nấm Hương tươi Việt Nam



30 g (1.06 oz)



Shiitake Mushroom Crips

NẤM HƯƠNG SẦY GIÒN

Vị tài át



Thành phần dinh dưỡng/
Nutrition Facts

Cho 1 lon dùng/ Serving size 30g
Nồng lượng cho 1 lon dùng/ Amount per serving

Calories	140
Chất béo/ Total fat	6g 8%
Béo bão hòa/ Saturated Fat	3g 14%
Béo chuyển hóa/ Trans Fat	0g -
Cholesterol/ Cholesterol	0g -
Natri/ Sodium	90mg 4%
Dường tổng/ Total Carbohydrate	17g 6%
Chất xơ/ Dietary Fiber	7g 24%
Dường/ Sugar	8g -
Chất đạm/ Protein	5g -

Thông tin dinh dưỡng/
Nutrition Facts
Cho 1 lon dùng/ Serving size 30g
Nồng lượng cho 1 lon dùng/ Amount per serving

Calories 140

Chất béo/ Total fat 6g 8%
Béo bão hòa/ Saturated Fat 3g 14%
Béo chuyển hóa/ Trans Fat 0g -
Cholesterol/ Cholesterol 0g -
Natri/ Sodium 90mg 4%
Dường tổng/ Total Carbohydrate 17g 6%
Chất xơ/ Dietary Fiber 7g 24%
Dường/ Sugar 8g -
Chất đạm/ Protein 5g -

Sử dụng sản phẩm
tốt nhất trước khi
hết hạn.
For best before date
see top of pack.
Keep sealed in dry and
cool places. Avoid
direct sunlight onto
the product.

Sản phẩm của/ Product of
HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NẤM ANVIES
ANVIES MUSHROOM MANUFACTURING CO-OPERATIVE
455 Trại Phú P Bình Định, TX An Nhơn, T Bình Định

ISO 9001:2015
HACCP
Xuất xứ Việt Nam
NSX: 8 938539 533053
HSD: